HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2026/NQ-HĐND	*Đắk Lắk, ngày 20 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 08 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18 tháng 10 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Xét Tờ trình số 507/TTr-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk dự thảo Nghị quyết quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra số 309/BC-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 16693/UBND-ĐTKT ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh, bao gồm vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Đối với vốn đầu tư công thuộc nguồn ngân sách cấp xã tự cân đối, việc lập, phân bổ, giao và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các nguyên tắc chung tại Điều 3 Nghị quyết này và các quy định pháp luật có liên quan.

c) Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công tại Nghị quyết này là căn cứ để lập, phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo phạm vi điều chỉnh; đồng thời là cơ sở để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành và các đơn vị thuộc tỉnh; các xã, phường và các đơn vị khác sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 - 2030.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc xây dựng, lập, thẩm định, phân bổ, giao, triển khai, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030

Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương bố trí cho các đối tượng được quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công, phân bổ theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư công, Điều 4 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 phải tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; phát huy vai trò đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân để thu hút, huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển; tăng cường phân cấp, phân quyền phù hợp với quy định khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; rà soát cắt giảm tối đa thủ tục hành chính trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ngành và chính quyền địa phương cấp xã.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026 - 2030, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, các Nghị quyết, Chương trình của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030 của tỉnh, Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường, gắn với quốc phòng, an ninh.

4. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ ngân sách địa phương trong kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030, kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm bảo đảm các chỉ tiêu cân đối vĩ mô, an toàn nợ công. Đẩy mạnh cơ cấu lại đầu tư công, tính toán hợp lý cơ cấu nguồn lực ngân sách cấp tỉnh và cấp xã, bảo đảm ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo; tăng cường huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, đẩy mạnh việc thu hút các nguồn vốn xã hội để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

5. Phân bổ vốn tập trung, không phân tán, dàn trải; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn

bản pháp luật có liên quan. Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án phải bảo đảm theo quy định tại Điều 57 Luật Đầu tư công.

6. Tập trung ưu tiên bố trí vốn thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành, phát huy hiệu quả các dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, dự án đường bộ cao tốc, dự án đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; khởi công mới các chương trình, dự án, nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, quan trọng của địa phương.

7. Ưu tiên phân bổ vốn cho các dự án có tính kết nối, liên xã; các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng, miền trong tỉnh.

8. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

a) Dự án đầu tư công đặc biệt, dự án đầu tư công khẩn cấp;

b) Các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia;

c) Hoàn trả vốn ứng trước;

d) Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;

đ) Các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài bao gồm cả vốn đối ứng;

e) Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; bồi thường, chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước hạn được cấp có thẩm quyền quyết định, chi trả phần giảm doanh thu các dự án PPP thuộc trách nhiệm của Nhà nước, thanh toán theo hợp đồng dự án BT bằng tiền;

g) Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

h) Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

i) Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030, vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2031 - 2035);

k) Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 (nếu có);

l) Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

m) Bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

n) Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công.

9. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

10. Việc bố trí và sử dụng vốn dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các quy định có liên quan để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030.

11. Việc sử dụng nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại và các nguồn ngân sách hợp pháp khác để bổ sung vốn đầu tư công thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công; ưu tiên bố trí cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 8 Điều này và các nhiệm vụ đầu tư trọng tâm, trọng điểm của địa phương, phù hợp với thẩm quyền quyết định của cấp có thẩm quyền.

12. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp xã thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức sau đây:

a) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp xã được phân bổ theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 2 và các nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên quy định tại Điều này; bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ chi đầu tư công của ngân sách cấp xã theo phân cấp, khả năng cân đối ngân sách và kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Việc phân bổ vốn cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án căn cứ vào tính cấp thiết, mục tiêu, hiệu quả đầu tư, tiến độ thực hiện, khả năng hoàn thành và phát huy hiệu quả của từng nhiệm vụ, chương trình, dự án; ưu tiên bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp, dự án có khả năng hoàn thành trong kỳ kế hoạch, bảo đảm đầu tư tập trung, không phân tán, dàn trải.

c) Mức vốn bố trí cho từng nhiệm vụ, chương trình, dự án được xác định trên cơ sở nhu cầu vốn, quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiến độ thực hiện, thời gian bố trí vốn theo quy định của pháp luật về đầu tư công và khả năng

cân đối nguồn vốn đầu tư công của ngân sách cấp xã trong kế hoạch trung hạn và hằng năm.

d) Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định kế hoạch đầu tư công, danh mục và mức vốn bố trí cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước. Việc phân bổ, sử dụng vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã phải bảo đảm đúng mục tiêu hỗ trợ và mức vốn được cấp có thẩm quyền quyết định, giao.

đ) Căn cứ điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu đầu tư và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã được chủ động vận dụng các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công phù hợp quy định tại Nghị quyết này hoặc xây dựng các tiêu chí cụ thể để xác định thứ tự ưu tiên, mức vốn dự kiến bố trí cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư công của ngân sách cấp xã, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định trong quá trình quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo thẩm quyền.

Việc vận dụng hoặc xây dựng các tiêu chí cụ thể phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công quy định tại Điều này và pháp luật có liên quan; không làm thay đổi mục tiêu, phạm vi và điều kiện sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu.

Điều 4. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh

1. Nguyên tắc phân bổ vốn thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Điều 3 của Nghị quyết này về nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn và các nguyên tắc cụ thể sau đây:

a) Vốn đầu tư công được bố trí cho nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư công của ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công;

b) Bảo đảm tương quan hợp lý về cơ cấu phân bổ vốn đầu tư giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh, giữa các ngành, lĩnh vực và giữa vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho cấp xã với vốn để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể tại khoản 6 Điều 3 của Nghị quyết này;

c) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh phân bổ cho các đơn vị, chủ đầu tư cấp tỉnh theo ngành, lĩnh vực theo quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư công và Điều 4 Nghị định số 85/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP;

d) Ưu tiên bố trí vốn cho lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa theo các

Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị; bố trí vốn ngân sách địa phương theo chủ trương đầu tư được duyệt hoặc cam kết đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn giai đoạn 2026 - 2030:

Mức vốn ngân sách tỉnh sau khi bảo đảm thực hiện các nội dung ưu tiên theo thứ tự quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị quyết này được phân bổ như sau:

a) Phân bổ cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Nghị quyết này và các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác thuộc nghĩa vụ của ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Bố trí vốn dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn tối đa không quá 5% tổng vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn ngân sách tỉnh được cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm giao kế hoạch đầu kỳ để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định của pháp luật.

c) Phân bổ vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã để thực hiện các nhiệm vụ đầu tư công thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật. Quy mô vốn bổ sung có mục tiêu được xác định trên cơ sở tổng nguồn vốn ngân sách tỉnh, sau khi bảo đảm bố trí vốn cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị quyết này, các nhiệm vụ chi đầu tư công thuộc trách nhiệm ngân sách tỉnh và vốn dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn; bảo đảm tương quan hợp lý giữa nhu cầu đầu tư của cấp tỉnh và cấp xã, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

3. Đối với các nguồn vốn đối ứng các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030:

a) Bảo đảm đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Thực hiện theo quy định riêng của các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã

1. Nguyên tắc phân bổ vốn thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Điều 3 của Nghị quyết này về nguyên tắc chung, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn và các nguyên tắc cụ thể sau đây:

a) Bảo đảm tính tương quan, hợp lý trong phân bổ vốn đầu tư công giữa các vùng, địa phương trong tỉnh.

b) Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã phải phù hợp với nhiệm vụ chi đầu tư công của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật; ưu tiên bố trí vốn cho các dự án có khả năng hoàn thành, phát huy hiệu quả, hạn chế phân bổ vốn nhỏ lẻ, dàn trải.

c) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư công; có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, ưu tiên đầu tư các công trình, dự án tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

d) Các địa phương chịu trách nhiệm bố trí vốn bổ sung có mục tiêu cho các chương trình, dự án theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Nghị quyết này, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã:

Vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã được phân bổ theo ngành, lĩnh vực trên cơ sở tính điểm theo các tiêu chí sau:

a) Tiêu chí dân số: bao gồm số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số năm 2025. Cách tính cụ thể như sau:

a1) Điểm của tiêu chí dân số trung bình

Số dân trung bình	**Điểm**
Các địa phương có dân số trung bình đến 30.000 người	10
Các địa phương có dân số trung bình trên 30.000 đến 50.000 người: từ 0 đến 30.000 người được tính 10 điểm, phần còn lại cứ 2.000 người tăng thêm được tính	1
Các địa phương có dân số trung bình trên 50.000 đến 100.000 người: từ 0 đến 50.000 người được tính 20 điểm, phần còn lại cứ 5.000 người tăng thêm được tính	1
Các địa phương có dân số trung bình trên 100.000 người được tính	30

Dân số trung bình của các địa phương để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 do Thống kê tỉnh cung cấp.

a2) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số

Số người dân tộc thiểu số	Điểm
Các địa phương có số người dân tộc thiểu số đến 8.000 người	10
Các địa phương có số người dân tộc thiểu số trên 8.000 đến 16.000 người: từ 0 đến 8.000 người được tính 10 điểm, phần còn lại cứ 1.600 người tăng thêm được tính	1
Các địa phương có số người dân tộc thiểu số trên 16.000 người được tính	15

Số người dân tộc thiểu số của các địa phương để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 do Sở Dân tộc và Tôn giáo cung cấp hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ, ngành, cơ quan trung ương.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, bao gồm 02 tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều, số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, tiền thuê đất, xổ số kiến thiết). Cách tính cụ thể như sau:

b1) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo đa chiều:

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	Điểm
Cứ 1% hộ nghèo đa chiều được tính	0,5
Các địa phương có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên 30% được tính	15

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 do Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp.

b2) Điểm của tiêu chí số thu nội địa (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, tiền thuê đất, xổ số kiến thiết):

Số thu nội địa	Điểm
Các địa phương có số thu nội địa từ 0 đến 50 tỷ đồng	15
Các địa phương có số thu nội địa trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	10
Các địa phương có số thu nội địa trên 100 tỷ đồng	5

Số thu nội địa (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thu xổ số kiến thiết) để tính điểm được xác định căn cứ vào dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2026 được cấp có thẩm quyền quyết định, giao cho từng xã, phường.

c) Tiêu chí diện tích: bao gồm diện tích đất tự nhiên, đất trồng lúa và tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương. Cách tính cụ thể như sau:

c1) Điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên:

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Các địa phương có diện tích đất tự nhiên đến 180 km^2	10
Các địa phương có diện tích đất tự nhiên trên 180 km^2 đến 360 km^2: từ 0 đến 180 km^2 được tính là 10 điểm, phần còn lại cứ 18 km^2 tăng thêm được tính	1
Các địa phương có diện tích đất tự nhiên trên 360 km^2 được tính	20

Diện tích đất tự nhiên của các địa phương để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 do Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp.

c2) Điểm của tiêu chí diện tích đất trồng lúa:

Diện tích đất trồng lúa	Điểm
Các địa phương có diện tích đất trồng lúa đến 1.000 ha	10
Các địa phương có diện tích đất trồng lúa trên 1.000 ha đến 2.000 ha: từ 0 đến 1.000 ha được tính là 10 điểm, phần còn lại cứ 200 ha tăng thêm được tính	1
Các địa phương có diện tích đất trồng lúa trên 2.000 ha	15

Diện tích đất trồng lúa của các địa phương để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 do Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp.

c3) Điểm của tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương:

Tỷ lệ che phủ rừng	Điểm
Cứ 4,1% tỷ lệ che phủ rừng được tính	1
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng trên 41% được tính	10

Tỷ lệ che phủ rừng để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 do Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp.

d) Tiêu chí số lượng tổ dân phố, thôn, buôn:

Số lượng tổ dân phố, thôn, buôn	Điểm
Mỗi đơn vị tổ dân phố, thôn, buôn được tính	0,2

Số đơn vị tổ dân phố, thôn, buôn để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Ủy ban nhân dân tỉnh về số đơn vị tổ dân phố, thôn, buôn trên địa bàn tỉnh.

đ) Các tiêu chí bổ sung

Địa phương	Điểm
Xã An toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (sau đây viết tắt là xã ATK)	5
Mỗi thôn, buôn đặc biệt khó khăn được tính	1

Xã ATK được cấp có thẩm quyền công nhận theo quy định của pháp luật; việc xác định xã ATK sau sắp xếp đơn vị hành chính thực hiện theo quy định của pháp luật và quyết định của cấp có thẩm quyền.

Số thôn, buôn đặc biệt khó khăn để tính điểm được xác định căn cứ vào danh sách chính thức giai đoạn 2026 - 2030 được cấp có thẩm quyền công bố theo quy định tại Nghị định số 275/2025/NĐ-CP.

3. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ

a) Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng xã, phường và tổng số điểm của các xã, phường làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã, theo các công thức sau:

a1) Điểm của tiêu chí dân số:

Gọi tổng số điểm tiêu chí dân số của xã (hoặc phường) thứ i là A_i.

Gọi số điểm tiêu chí dân số trung bình của xã (hoặc phường) thứ i là h_i.

Gọi số điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số của xã (hoặc phường) thứ i là k_i.

Điểm của tiêu chí dân số của xã (hoặc phường) thứ i sẽ là:

$A_i = h_i + k_i$

a2) Điểm của tiêu chí trình độ phát triển:

Gọi tổng số điểm tiêu chí trình độ phát triển của xã (hoặc phường) thứ i là B_i.

Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của xã (hoặc phường) thứ i là l_i.

Gọi số điểm của tiêu chí số thu nội địa của xã (hoặc phường) thứ i là m_i.

Điểm của tiêu chí trình độ phát triển của xã (hoặc phường) thứ i sẽ là:

$B_i = l_i + m_i$

a3) Điểm của tiêu chí diện tích:

Gọi tổng số điểm tiêu chí diện tích của xã (hoặc phường) thứ i là C_i.

Gọi số điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên của xã (hoặc phường) thứ i là n_i.

Gọi số điểm của tiêu chí diện tích đất trồng lúa của xã (hoặc phường) thứ i là o_i.

Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng của các xã (hoặc phường) thứ i là p_i.

Điểm của tiêu chí diện tích của xã (hoặc phường) thứ i sẽ là:

$C_i = n_i + o_i + p_i$

a4) Điểm của tiêu chí số lượng tổ dân phố, thôn, buôn: D_i.

a5) Điểm của tiêu chí bổ sung:

Gọi tổng số điểm của tiêu chí bổ sung của xã (hoặc phường) thứ i là E_i.

Gọi số điểm của tiêu chí xã ATK là t_i.

Gọi số điểm của tiêu chí của xã, phường có thôn, buôn đặc biệt khó khăn là u_i.

Điểm tiêu chí bổ sung của xã (hoặc phường) thứ i sẽ là:

$E_i = t_i + u_i$

Tổng điểm của xã (hoặc phường) thứ i:

Gọi tổng số điểm của xã (hoặc phường) thứ i là X_i:

$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i + E_i$

Tổng số điểm của các xã là Y, ta có:

$$Y = \sum_{i=1}^{n} Xi$$

n là số đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại thời điểm xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

b) Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ được tính theo công thức:

Gọi K là tổng số vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư, ta có:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

c) Tổng số vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã của từng xã (hoặc phường) được tính theo công thức:

Gọi V_i là số vốn đầu tư công nguồn ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã của từng xã (hoặc phường):

$V_i = Z \times X_i$

4. Trường hợp thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trong giai đoạn 2026 - 2030, giữ nguyên tổng mức vốn đã phân bổ theo Nghị quyết này cho các đơn vị hành chính cấp xã có liên quan đến việc sắp xếp. Trường hợp nhập nguyên trạng các đơn vị hành chính cấp xã, mức vốn của đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp bằng tổng mức vốn đã phân bổ cho các đơn vị trước sắp xếp. Trường hợp điều chỉnh một phần địa giới hành chính, việc chuyển giao chương trình, nhiệm vụ, dự án đã được bố trí vốn và kế hoạch vốn tương ứng cho đơn vị tiếp nhận được thực hiện theo quy định của pháp luật; đối với phần vốn chưa bố trí cụ thể cho chương trình, nhiệm vụ, dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định tại Nghị quyết này để xác định mức vốn phân bổ cho các đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp, bảo đảm không vượt tổng mức vốn đã phân bổ trước khi sắp xếp. Việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất được thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư công.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

3. Trong trường hợp bổ sung hoặc sửa đổi các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 ngoài các quy định tại Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025 và Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2021 - 2025.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Quy định chuyển tiếp

a) Đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công hằng năm đã được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, việc tiếp tục thực hiện, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân, điều chỉnh, thanh toán, quyết toán vốn thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã được cấp có thẩm quyền quyết định trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, tiếp tục thực hiện theo các quyết định đã được ban hành. Việc phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết này và các quy định pháp luật có liên quan.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa XI, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Ba thông qua ngày 20 tháng 10 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An